TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày: 21 – 5 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**
Địa chỉ: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A**. Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hùng H**. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hùng Hải: Anh **Võ Tấn Đ**, sinh năm 1987. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P; Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*
2. Bị đơn: Ông **Trần Văn L,** sinh năm 1970 và bà **Ngô Tú Ph,** sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Tấn Đ trình bày:*

Vào ngày 29/5/2014, ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph có ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 699/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B - Phòng giao dịch P để vay vốn số tiền 15.000.000 đồng với mục đích mua bán, lãi suất trong hạn là 1,245%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay 180 ngày. Thỏa thuận trả gốc và lãi hàng ngày từ ngày 30/5/2014 đến ngày 28/11/2014, số tiền trả mỗi ngày 90.070 đồng, ngày cuối là 91.210 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông L và bà Ph đã cầm cố cho Ngân hàng xe gắn máy Ariblade biển số kiểm soát 94P1-2802. Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho ông L và bà Ph bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 30/5/2014. Từ ngày giải ngân đến ngày 23/8/2014 ông L và bà Ph đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi 7.605.210 đồng (trong đó gốc 7.083.333 đồng và lãi 521.877 đồng). Do hợp đồng đã đến hạn thanh toán nhưng ông L và bà Ph không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc và tạo điều kiện để ông L và bà Ph trả nợ, tuy nhiên ông L và bà Ph vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/5/2021 là 20.000.159 đồng (trong đó tiền gốc là 7.916.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 583.274 đồng, tiền lãi quá hạn là 11.500.218 đồng). Đồng thời kể từ ngày 22/5/2021, ông L và bà Ph phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP K rút yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là xe gắn máy Ariblade biển số kiểm soát 94P1-2802 để thu hồi nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K. Buộc ông L và bà Ph có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền 20.000.159 đồng (trong đó tiền gốc là 7.916.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 583.274 đồng, tiền lãi quá hạn là 11.500.218 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2021 cho đến trả dứt nợ. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng TMCP K.

Về án phí: Ông L và bà Ph phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, ông L và bà Ph đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông L và bà Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Đ, ông L và bà Ph là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện: Theo Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 25/12/2013, Ngân hàng TMCP K, phòng giao dịch P đã cho ông L và bà Ph vay số tiền 15.000.000đ với mục đích mua bán, lãi suất trong hạn là 1,245%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay là 180 ngày, gốc và lãi được trả hàng ngày kể từ ngày 30/5/2014 đến ngày 28/11/2014, số tiền trả mỗi ngày 90.070 đồng, ngày cuối là 91.210 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay, thì ông L và bà Ph đã cầm cố xe gắn máy Ariblade biển số kiểm soát 94P1-2802. Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho ông L và bà Ph bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 30/5/2014. Ông L và bà Ph đã được Tòa án thông báo về việc Ngân hàng khởi kiện nhưng ông L và bà Ph không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng. Như vậy, việc ông L và bà Ph có vay tiền của Ngân hàng TMCP K là thực tế có xảy ra.

[4] Theo hợp đồng thì ông L và bà Ph có nghĩa vụ phải trả số tiền gốc và tiền lãi hàng ngày kể từ ngày 30/5/2014 đến ngày 28/11/2014. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 30/5/2014 đến ngày 23/8/2014 ông L và bà Ph đã trả được số tiền gốc 7.083.333 đồng và tiền lãi 521.877 đồng thì ngưng không trả nợ cho đến nay. Do ông L và bà Ph không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, nay Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông L và bà Ph phải trả nợ gốc còn lại và lãi là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Ông L và bà Ph vay số tiền 15.000.000đ đã trả được số tiền gốc là 7.083.333 đồng, do đó, buộc ông L và bà Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc còn lại là 7.916.667 đồng. Đối với lãi theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất trong hạn là 1,245%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, ông L, bà Ph và Ngân hàng có thỏa thuận lãi suất khi ký hợp đồng tín dụng, ông L và bà Ph không trả nợ theo thỏa thuận thì ông L và bà Ph phải chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông L và bà Ph phải trả tiền lãi trong hạn là 583.274 đồng, tiền lãi quá hạn 11.500.218 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, buộc ông L và bà Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền còn nợ tính đến ngày 21/5/2021 là 20.000.159 đồng (trong đó tiền gốc là 7.916.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 583.274 đồng, tiền lãi quá hạn là 11.500.218 đồng). Đồng thời kể từ ngày 22/5/2021, ông L và bà Ph phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

[7] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP K yêu cầu có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là xe gắn máy Ariblade biển số kiểm soát 94P1-2802 để thu hồi nợ. Ngày 02/3/2021 Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K yêu cầu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là xe gắn máy Ariblade biển số kiểm soát 94P1-2802 để thu hồi nợ.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông L và bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph. Buộc ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 20.000.159 đồng (Hai mươi triệu một trăm năm mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 7.916.667 đồng, tiền lãi trong hạn 583.274 đồng, tiền lãi quá hạn là 11.500.218 đồng.

Kể từ ngày 22/5/2021 ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp

đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là xe gắn máy Ariblade biển số kiểm soát 94P1-2802 để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Ông Trần Văn L và bà Ngô Tú Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP K đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 472.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009719 ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly